

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

Số: 68A /2021 CV/VCS-QHCD

V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất Quý II năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất Quý II năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 chi tiết như sau:

I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Quý II.2021	Quý II.2020	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1,793,151,952,912	1,126,722,520,690	666,429,432,222	59.1
11	Giá vốn hàng bán	1,187,467,133,524	767,449,037,612	420,018,095,912	54.7
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	605,684,819,388	359,273,483,078	246,411,336,310	68.6
21	Doanh thu tài chính	15,482,405,169	7,184,753,674	8,297,651,495	115.5
22	Chi phí tài chính	21,899,877,166	12,544,733,038	9,355,144,128	74.6
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	14,448,663,443	20,086,945,984	(5,638,282,541)	(28.1)
25	Chi phí bán hàng	58,382,206,866	28,330,717,482	30,051,489,384	106.1
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,849,807,158	19,494,604,652	(9,644,797,494)	(49.5)
31	Thu nhập khác	341,690,740	375,611,192	(33,920,452)	(9.0)
32	Chi phí khác	2,088,201,493	1,539,245,762	548,955,731	35.7
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	529,288,822,614	304,924,547,010	224,364,275,604	73.6
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	80,635,295,158	48,035,468,249	32,599,826,909	67.9
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	189,114,655	230,109,815	(40,995,160)	(17.8)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	448,464,412,801	256,658,968,946	191,805,443,855	74.7



II. Chi tiết và nguyên nhân các chỉ tiêu biến động

Năm 2021, Công ty đã có những quyết sách kịp thời để vượt qua nghịch cảnh, tiếp tục tăng trưởng ấn tượng trong Quý II/2021.

Cụ thể từng chỉ tiêu như sau:

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 666,429,432,222 đồng (59.1%), do số lượng thành phẩm, hàng hóa bán ra tăng

2. Giá vốn bán hàng tăng 420,018,095,912 đồng (54.7%), Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 246,411,336,310 đồng (68.6%). Tốc độ tăng lợi nhuận gộp nhanh hơn so với tốc độ tăng doanh thu bán hàng do Công ty thực hiện tốt các biện pháp quản trị chi phí.

3. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 8,297,651,495 (115.5%) chủ yếu do:

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng 1,606,607,438 đồng
- Lãi chênh lệch tỷ giá tăng 6,692,038,557 đồng

4. Chi phí tài chính tăng 9,355,144,128 đồng (74.6%) trong đó:

- Lỗ chênh lệch tỷ giá tăng 14,993,426,669 đồng
- Lãi tiền vay giảm 5,638,282,541 đồng

5. Chi phí bán hàng tăng 30,051,489,384 đồng (106.1%) do doanh thu hàng bán tăng lên, trong đó:

- Chi phí vật liệu, dụng cụ tăng: 5,095,638,843 đồng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng: 26,165,002,198 đồng
- Chi phí bán hàng khác tăng: 612,827,240 đồng

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 9,644,797,494 đồng (49.5%) chủ yếu do chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí dịch vụ mua ngoài giảm.

Như vậy, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 224,364,275,604 đồng (73.6%) và Lợi nhuận sau thuế tăng 191,805,443,855 đồng (74.7%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do doanh thu bán hàng và doanh thu tài chính tăng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm.

Xin chân thành cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

